

Số: /KL-TTr

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

## KẾT LUẬN THANH TRA

### Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường - TKV

Thực hiện Quyết định số 42/QĐ-TTr ngày 17/5/2024 của Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường về thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với Công ty TNHH Một thành viên Môi trường - TKV và Quyết định số 54/QĐ-TTr ngày 26/6/2024 của Chánh Thanh tra Bộ về việc gia hạn thời hạn thanh tra. Từ ngày 22/5/2024 đến ngày 03/7/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH Một thành viên Môi trường - TKV, tổ chức có liên quan theo Kế hoạch thanh tra được phê duyệt.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra số 01/BC-ĐTTr ngày 02/8/2024 của Trưởng đoàn thanh tra và Báo cáo số 68/BC-GSXLSTTT ngày 20/11/2024 của Phòng Giám sát và xử lý sau thanh tra, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường kết luận thanh tra như sau:

#### 1. Khái quát chung

Công ty TNHH Một thành viên Môi trường - TKV có địa chỉ trụ sở tại Km4, đường Trần Phú, phường Cẩm Thủy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 5700100425 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 06/7/2009, thay đổi lần thứ 16 ngày 05/10/2021.

Dự án Nhà máy xử lý và tái chế chất thải công nghiệp nguy hại của Công ty tại khu vực N99 Khe Tam, xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Loại hình sản xuất: Thu gom, vận chuyển, xử lý và tái chế chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại công suất xử lý 6.900.000 kg/năm, bao gồm 04 dây chuyền: Lò đốt chất thải công suất 500 kg/giờ, hệ thống xử lý và tái chế dầu thải công suất 8.500 kg/ngày, hệ thống xử lý ác quy thải công suất 1.000 kg/ngày, hệ thống xử lý, tái chế thùng phuy và sản phẩm thép công suất 1.500 kg/ngày; diện tích mặt bằng sản xuất là 86.956,8 m<sup>2</sup>; số lượng cán bộ nhân viên là 38 người; Dự án triển khai xây dựng năm 2013, hoạt động chính thức ngày 26/4/2014.

#### 2. Kết quả kiểm tra, xác minh

##### 2.1. Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

###### 2.1.1. Việc cấp giấy phép môi trường

Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH 2.106.VX (cấp lần 2) ngày 31/7/2020 (thay thế giấy phép

năm 2017); cấp Giấy phép môi trường số 385/GPMT-BTNMT ngày 28/12/2022 và Giấy phép môi trường (điều chỉnh) số 330/GPMT-BTNMT ngày 11/9/2023, thời hạn giấy phép là 07 năm.

### 2.1.2. Việc chấp hành các quy định trong giấy phép môi trường

#### a) Việc phát sinh, thu gom, xử lý đối với 02 nguồn nước thải

- Nguồn nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu vệ sinh khu vực văn phòng, khu thành phẩm, nhà ở công nhân viên và nhà ăn lưu lượng khoảng 05 m<sup>3</sup>/ngày được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất thiết kế 16 m<sup>3</sup>/ngày, nước thải sau xử lý xả thải tự chảy, chế độ xả thải là gián đoạn ra Suối Cầu PQ, chảy về suối Khe Rữa.

Thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt xây dựng theo nội dung giấy phép và đang được vận hành bình thường, có lắp thiết bị đo lưu lượng nước thải. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận áp dụng theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- Nguồn nước thải công nghiệp phát sinh từ quá trình sản xuất của nhà máy trung bình 28 m<sup>3</sup>/ngày được dẫn về bể thu gom và bơm lên hệ thống xử lý nước thải công nghiệp công suất 400 m<sup>3</sup>/ngày để xử lý. Nước thải công nghiệp sau xử lý được xả ra hồ chứa có dung tích 1.050 m<sup>3</sup> để tái sử dụng tại các dây chuyền sản xuất, lượng nước dư xả ra đoạn Suối Cầu PQ.

Thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp xây dựng và vận hành theo nội dung giấy phép. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn tiếp nhận áp dụng theo QCVN 3:2020/QN - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải công nghiệp tỉnh Quảng Ninh.

- Việc định kỳ duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Định kỳ 01 tháng/lần, tiến hành kiểm tra thiết bị, đường ống công nghệ tại hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt để đánh giá hiện trạng và đề xuất thay thế kịp thời các thiết bị hư hỏng; 03 tháng/lần, thực hiện việc bảo dưỡng thiết bị như bơm nước, vệ sinh tấm lắng lamell, thông tắc đường ống, bổ sung vi sinh.

+ Đối với hệ thống xử lý nước thải công nghiệp: Định kỳ 01 tháng/lần kiểm tra thiết bị của hệ thống xử lý nước thải công nghiệp để đánh giá hiện trạng và sửa chữa kịp thời các thiết bị hư hỏng; 03 tháng/lần, tiến hành bảo dưỡng thiết bị như bơm nước, vệ sinh tấm lắng lamell, thông tắc đường ống; sau 02 năm vận hành, tiến hành kiểm tra đánh giá các vật liệu lọc như cát lọc Mn, than hoạt tính để thay thế đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý.

#### b) Việc phát sinh, thu gom và xử lý đối với 02 nguồn khí thải

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải hoạt động bình thường. Nhiệt độ buồng đốt sơ cấp là 650<sup>0</sup>C, nhiệt độ buồng đốt thứ cấp là 1.073<sup>0</sup>C.

Khí thải phát sinh từ lò đốt → Thiết bị trao đổi nhiệt → Tháp Ventury → Tháp hấp thụ → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống khói thải. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 20.000 m<sup>3</sup>/giờ, phương thức xả khí thải theo ca sản xuất.

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường áp dụng QCVN 30:2012/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp (cột B).

- Lò gia nhiệt của hệ thống tái chế dầu sử dụng nhiên liệu là dầu DO, không thuộc đối tượng yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải. Khí thải được xả ra môi trường qua ống thoát khí. Lưu lượng khí thải lớn nhất: 1.000 m<sup>3</sup>/giờ, phương thức xả thải theo ca sản xuất. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường áp dụng QCVN 58:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải.

- Việc định kỳ bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của lò đốt và hệ thống xử lý khí thải:

+ Đối với lò đốt chất thải nguy hại: Công ty tiến hành kiểm tra, đánh giá hiện trạng các thiết bị của lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại định kỳ 03 tháng/lần, duy tu, bảo dưỡng các thiết bị: vệ sinh lò đốt, thanh ghi, các đầu bép phun, thay thế than hoạt tính, các quả cầu nhựa của tháp hấp thụ.

Hệ thống quan trắc tự động khí thải lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại được hiệu chuẩn kiểm định định kỳ vào tháng 11 hàng năm, thực hiện báo cáo đánh giá hệ thống vào tháng 12 hàng năm, ngoài ra hàng tháng Công ty có đăng ký, thực hiện kiểm tra thiết bị với khí chuẩn.

+ Đối với lò gia nhiệt của hệ thống xử lý và tái chế dầu thải: Công ty tiến hành kiểm tra, đánh giá hiện trạng các thiết bị của dây chuyền xử lý và tái chế dầu thải định kỳ 03 tháng/lần và có phương án duy tu bảo dưỡng các thiết bị định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng dầu sau xử lý và khí thải của hệ thống.

*c) Việc phát sinh, thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý, chuyển giao các loại chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại*

- Việc thu gom chất thải thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh như sau:

Theo báo cáo của Công ty tại Văn bản số 979/MT-CĐTV ngày 21/5/2024 về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước: năm 2020 Công ty thu gom chất thải của 43 chủ nguồn thải; năm 2021 thu gom chất thải của 39 chủ nguồn thải; năm 2022 thu gom chất thải của 40 chủ nguồn thải; năm 2023 thu gom chất thải của 42 chủ nguồn thải. Các chủ nguồn thải chủ yếu nằm trong Tập đoàn TKV. Khối lượng chất thải được thu gom để xử lý như sau:

+ Chất thải xử lý tại Lò đốt chất thải: năm 2020 số lượng chất thải là 1.604.184,73 kg, trong đó thu gom 1.549.742,73 kg, tồn từ năm 2019 là 54.442 kg; năm 2021 số lượng chất thải là 1.488.763,19 kg, trong đó thu gom 1.429.627,19 kg, tồn từ năm 2020 là 59.136 kg; năm 2022 số lượng chất thải là 1.522.546,81 kg, trong đó thu gom 1.429.991,38 kg, tồn từ năm 2021 là 92.555,43 kg; năm 2023 số lượng chất thải là 1.618.902,88 kg, trong đó thu gom 1.511.625,155 kg, tồn từ năm 2022 là 107.277,72 kg; 4 tháng đầu năm 2024 số lượng chất thải là 469.631,53 kg, trong đó thu gom 346.088,43 kg, tồn từ năm 2023 là 123.543,1 kg.

+ Tái chế dầu thải: năm 2020 số lượng dầu thải là 1.667.748 kg, trong đó thu gom 1.619.014 kg, tồn từ năm 2019 là 48.734 kg; năm 2021 số lượng dầu thải là

1.670.678 kg, trong đó thu gom 1.656.488 kg, tồn từ năm 2020 là 14.190 kg; năm 2022 số lượng dầu thải là 1.720.890,4 kg, trong đó thu gom 1.633.375,4 kg, tồn từ năm 2021 là 87.515 kg; năm 2023 số lượng dầu thải là 1.629.078,68 kg, trong đó thu gom 1.521.858,08 kg, tồn từ năm 2022 là 107.498,6 kg; 4 tháng đầu năm 2024 số lượng dầu thải là 641.107,1 kg, trong đó thu gom 395.052,2 kg, tồn từ năm 2023 là 246.054,9 kg.

+ Các loại ắc quy thải: năm 2020 số lượng ắc quy thải là 218.456 kg, trong đó thu gom 211.500 kg, tồn từ năm 2019 là 6.956 kg; năm 2021 số lượng ắc quy thải là 248.469 kg, trong đó thu gom 239.614,8 kg, tồn từ năm 2020 là 8.854 kg; năm 2022 số lượng ắc quy thải là 222.344 kg, trong đó thu gom 219.031,8 kg, tồn từ năm 2021 là 3.330 kg; năm 2023 số lượng ắc quy thải là 286.442 kg, trong đó thu gom 278.126,02 kg, tồn từ năm 2022 là 8.316 kg; 4 tháng đầu năm 2024 số lượng là 128.262 kg, trong đó thu gom 71.155 kg, tồn từ năm 2023 là 57.107 kg.

+ Thùng phuy thải, mẫu vụn kim loại: năm 2020 số lượng là 508.224 kg, trong đó thu gom 497.148 kg, tồn từ năm 2019 là 11.076 kg; năm 2021 số lượng là 462.054 kg, trong đó thu gom 459.547 kg, tồn từ năm 2020 là 2.480 kg; năm 2022 số lượng là 498.734,4 kg, trong đó thu gom 487.276,4 kg, tồn từ năm 2021 là 11.458 kg; năm 2023 số lượng là 564.921,48 kg, trong đó thu gom 518.661,48 kg, tồn từ năm 2022 là 46.260 kg; 4 tháng đầu năm 2024 số lượng là 240.630,5 kg, trong đó thu gom 136.970,5 kg, tồn từ năm 2023 là 103.606 kg.

- Hệ thống, công trình xử lý chất thải vận hành như sau:

(1) Lò đốt chất thải công suất 3.600.000 kg/năm.

Tại thời điểm kiểm tra, lò đốt chất thải nguy hại hoạt động bình thường. Số lượng chất thải đã xử lý năm 2020 là 1.545.048,73 kg (chất thải nguy hại: 1.487.957,53 kg, chất thải công nghiệp: 57.091,2 kg); năm 2021 là 1.396.207,76 kg (chất thải nguy hại: 1.009.045,76 kg, chất thải công nghiệp: 387,162 kg); năm 2022 là 1.415.269,09 (chất thải nguy hại: 891.207,09 kg, chất thải công nghiệp: 524,062 kg); năm 2023 là 1.495.361,775 kg (chất thải nguy hại: 850.315,775 kg, chất thải công nghiệp: 645.046 kg); 4 tháng đầu năm 2024 là 252.249,43 kg (chất thải nguy hại: 237.432,93 kg, chất thải công nghiệp: 14.816,5 kg).

Qua rà soát nhật ký vận hành, công suất xử lý chất thải lò đốt trong năm không vượt công suất giấy phép môi trường được cấp. Khối lượng tro xỉ lò phát sinh được vận chuyển về 04 bể đóng kén bằng bê tông để chôn lấp. Khối lượng than hoạt tính thải bỏ phát sinh từ hệ thống hấp phụ lò đốt chất thải tính từ năm 2022 đến tháng 3/2024 là 578 kg được đưa vào dây chuyền lò đốt chất thải để xử lý theo quy định.

(2) Hệ thống xử lý và tái chế dầu thải công suất 2.550.000 kg/năm.

Tại thời điểm kiểm tra, hệ thống xử lý và tái chế dầu vận hành bình thường. Số lượng dầu thải xử lý năm 2020: 1.653.558 kg; năm 2021: 1.538.163 kg; năm 2022: 1.613.391,8 kg; năm 2023: 1.383.023,78 kg; 4 tháng đầu năm 2024: 455.361,3 kg.

Tại xưởng có các bồn chứa dầu thành phẩm và khoảng 1.100 thùng phuy gồm thùng đang đựng dầu thải và thùng chờ chứa dầu thải để xử lý. Qua rà soát

nhật ký vận hành, khối lượng dầu thải tái chế trong phạm vi công suất của giấy phép môi trường được cấp.

(3) Hệ thống xử lý ắc quy thải công suất 300.000 kg/năm.

Tại thời điểm kiểm tra, không có hoạt động xử lý ắc quy thải. Quy trình công nghệ xử lý ắc quy thải đã được phê duyệt tại Giấy phép môi trường như sau: Bình ắc quy → Phá dỡ → Bể thu hồi dung dịch axit → Máy nghiền → Máy sàng → Nhựa, chì.

Số lượng ắc quy thải đã xử lý năm 2020: 173.727 kg; năm 2021: 245.138,8 kg; năm 2022: 214.027,8 kg; năm 2023: 229.335,02 kg; 4 tháng đầu năm 2024: 86.800,1 kg.

Qua rà soát nhật ký vận hành, công suất xử lý hệ thống xử lý ắc quy thải trong năm không vượt công suất giấy phép môi trường được cấp.

(4) Hệ thống xử lý, tái chế thùng phuy công suất 450.000 kg/năm.

Tại thời điểm kiểm tra, không có hoạt động xử lý, tái chế. Quy trình công nghệ đã được phê duyệt tại giấy phép môi trường như sau: Thùng phuy thải, kim loại nhiễm dầu → Thiết bị thu hồi dung dịch trong thùng phuy và sản phẩm thép → Thiết bị súc rửa ly tâm → Thùng phuy, kim loại phế liệu.

Số lượng chất thải đưa vào hệ thống xử lý, tái chế thùng phuy được tổng hợp từ chứng từ chất thải nguy hại năm 2020: 505.744 kg, năm 2021: 450.596 kg. Công ty đã xử lý vượt công suất đối với hệ thống xử lý, tái chế thùng phuy nhưng tổng khối lượng các nhóm chất thải không vượt công suất Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH 2.106.VX (Cấp lần 2). Tại thời điểm vi phạm, hành vi này không quy định chế tài xử phạt.

Số lượng chất thải thực tế được xử lý tại hệ thống xử lý, tái chế thùng phuy năm 2022: 449.074,40 kg; năm 2023: 446.018,48 kg; 04 tháng đầu năm 2024: 163.695,6 kg. Tuy nhiên, Công ty đã xuất chứng từ chất thải nguy hại theo khối lượng chất thải được chuyển đến hệ thống xử lý, tái chế thùng phuy năm 2022: 452.474,4 kg; năm 2023: 461.352,48 kg và được thể hiện tại báo cáo hàng năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, báo cáo Đoàn thanh tra. Khối lượng xử lý, tái chế thùng phuy bị chênh lệch là do Công ty đã tận dụng các thùng phuy còn tốt để chứa dầu thải nhằm giảm chi phí nhưng cán bộ kỹ thuật vẫn xuất chứng từ. Công ty đã khai báo không trung thực theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Qua rà soát việc sử dụng chứng từ chất thải nguy hại, Công ty sử dụng bộ chứng từ chất thải nguy hại trong năm 2022 và năm 2023 ghi thiếu thông tin về phương tiện vận chuyển, không đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Công ty đã xuất chứng từ đối với toàn bộ khối lượng thùng phuy đã thu gom được nhưng thực tế chỉ xử lý một phần do một số thời điểm lượng dầu thải thu gom về lớn, các thùng phuy thải còn tốt được tái sử dụng chứa dầu thải nhưng cán

bộ kỹ thuật vẫn xuất chứng từ, tổng hợp khối lượng xử lý và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Theo Công ty báo cáo, tại khu vực tái chế dầu thải đang tái sử dụng khoảng 1.100 thùng phuy chưa xử lý, dùng để đựng dầu thải và thùng chờ chứa dầu thải để xử lý nhưng đã xuất chứng từ chất thải nguy hại trong năm 2022 và năm 2023 là không trung thực khai báo theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Việc chuyển giao chất thải nguy hại cho Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina, tỉnh Phú Thọ xử lý.

Công ty chuyển giao cho Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina xử lý chất thải nguy hại thông qua ký kết hợp đồng và có chứng từ chất thải nguy hại. Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận về việc chuyển giao chất thải nguy hại cho Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina tại Văn bản số 1930/BTNMT-TCMT ngày 15/4/2022. Sau khi Công ty được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép môi trường số 385/GPMT-BTNMT ngày 28/12/2022 (các mã CTNH không thay đổi so với Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH 2.106.VX cấp lần 02 ngày 31/7/2020 trước đó, đồng thời Giấy phép xử lý CTNH mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.016.VX cấp lần thứ 05 ngày 24/12/2021 của Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina vẫn còn thời hạn), Công ty chuyển giao chất thải nguy hại tuân thủ quy định tại Điều 73 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Công ty đã có Văn bản số 1023/MT-CĐVT ngày 30/5/2024; Văn bản số 1276/MT-CĐVT ngày 28/6/2024 gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chuyển giao trách nhiệm vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại cho Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina và cập nhật thông tin về Giấy phép môi trường số 385/GPMT-BTNMT.

Khối lượng chất thải nguy hại Công ty đã chuyển giao cho Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina từ khi được Bộ Tài nguyên và Môi trường chấp thuận cho phép chuyển giao năm 2022 đến hết tháng 5/2024 là 656.015,2 kg.

- Kiểm tra khu vực lưu giữ chất thải.

+ Chất thải nguy hại: Tại thời điểm kiểm tra, kho lưu giữ chất thải nguy hại có tường bao, nền bê tông, mái che, các loại chất thải được lưu giữ riêng biệt có vách ngăn với từng khu vực lưu giữ chất thải nguy hại khác nhau, có dán biển cảnh báo, tên loại chất thải và mã chất thải.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải để trên nền bê tông, có rãnh thu nước bề mặt, được xây dựng cao hơn so với mặt bằng nhà máy khoảng 02 m.

+ Chất thải sinh hoạt: Thời điểm kiểm tra, chất thải sinh hoạt được lưu giữ tại các thùng chứa bằng nhựa, có nắp đậy, các thùng chứa được bố trí xung quanh khuôn viên của nhà máy. Chất thải sinh hoạt được xử lý tại hệ thống lò đốt chất thải của Nhà máy.

+ Tro xỉ lò đốt: Tại thời điểm kiểm tra, khu vực bể đóng kén số 1, 2, 3, 4 có mái che. Bể đóng kén số 1 và số 2 đã đóng bể (bằng bê tông). Hiện nay, Công ty đang thực hiện chôn lấp tro xỉ lò đốt vào các bể đóng kén số 3 và số 4, hiện trạng các bể này thể tích đã gần đầy.

- Về phương tiện vận chuyển chất thải.

Công ty đang vận hành thường xuyên 07 xe cho việc vận chuyển chất thải nguy hại (14C-07459; 14C-07965, 14C-08265, 14C08080, 14C-08225, 14C-14240, 14C-14490). Qua kiểm tra thực tế, Công ty đã trang bị hệ thống định vị vệ tinh (GPS) cho 07 phương tiện vận chuyển, số liệu về lịch trình của xe được lưu trữ trong 01 năm. Chứng từ chất thải nguy hại do Công ty cung cấp không có thông tin về số hiệu phương tiện vận chuyển, do đó Đoàn không tiến hành đối chiếu chứng từ chất thải nguy hại với lộ trình vận chuyển của phương tiện vận chuyển.

*d) Việc thực hiện lập, gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm*

Công ty đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo mẫu kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và gửi cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong báo cáo định kỳ hàng năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền và báo cáo Đoàn thanh tra không có nội dung về tái sử dụng một số thùng phuy thải vào việc chứa dầu tái chế, không qua súc rửa nhưng vẫn xuất chứng từ xử lý chất thải nguy hại.

*e) Việc thực hiện quan trắc môi trường*

- Công ty đã thực hiện quan trắc định kỳ đối với các nguồn nước thải tần suất 03 tháng/lần theo quy định.

- Đối với nguồn khí thải lò đốt chất thải nguy hại, Công ty lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục để giám sát khí thải. Hệ thống quan trắc tự động khí thải lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại được hiệu chuẩn kiểm định định kỳ vào tháng 11 hàng năm, thực hiện báo cáo đánh giá hệ thống vào tháng 12 hàng năm, ngoài ra hàng tháng Công ty có đăng ký, thực hiện kiểm tra thiết bị với khí chuẩn.

Thời điểm kiểm tra ngày 27/5/2024, thiết bị quan trắc tự động khí thải không hiển thị các thông số (NO, NO<sub>2</sub>, CO, SO<sub>2</sub>, O<sub>2</sub>) do thiết bị đo gặp sự cố từ ngày 21/4/2024. Công ty đã có Văn bản số 786/MT-CĐVT ngày 22/4/2024 báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về việc lỗi thiết bị quan trắc khí thải tự động lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại. Trong thời gian hệ thống quan trắc tự động bị hỏng, Công ty hợp đồng với Công ty CP Tập đoàn FEC tiến hành phân tích mẫu khí thải tại lò đốt chất thải (kết quả phân tích mẫu khí thải ngày 09/5/2024; 10/5/2024; 14/5/2024; 20/5/2024; 22/5/2024; 30/5/2024; 07/6/2024; 11/6/2024 cho thấy các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép). Ngày 11/6/2024 Công ty sửa chữa xong thiết bị quan trắc khí thải tự động lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại và có Văn bản số 1107/MT-CĐVT ngày 12/6/2024 báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh về việc hoàn thành khắc phục thiết bị quan trắc khí thải tự động lò đốt chất thải công nghiệp nguy hại. Theo quy định tại Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, công trình lò đốt chất thải của Công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc bụi, khí thải công nghiệp tự động, liên tục được miễn thực hiện quan trắc bụi, khí thải công nghiệp định kỳ quy định.

*g) Việc thực hiện nghĩa vụ tài chính về bảo vệ môi trường*

Công ty thực hiện nộp phí nước thải công nghiệp theo quy định với mức phí cố định là 4.000.000 đồng/năm.

#### *h) Kết quả phân tích mẫu môi trường*

Kết quả phân tích 03 mẫu chất thải lấy ngày 27/5/2024, so sánh với giới hạn giá trị quy định tại Giấy phép môi trường số 385/GPMT- BTNMT ngày 28/12/2022 và Giấy phép môi trường (điều chỉnh) số 330/GPMT-BTNMT ngày 11/9/2023 như sau: mẫu nước thải sinh hoạt có các thông số ô nhiễm nằm trong giới hạn giá trị quy định tại giấy phép môi trường; mẫu khí thải tại lò gia nhiệt của hệ thống xử lý và tái chế dầu thải có các thông số ô nhiễm nằm trong giới hạn giá trị quy định tại giấy phép môi trường; mẫu khí thải tại ống khói thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải với lưu lượng 8.748 m<sup>3</sup>/giờ có thông số Tổng Dioxin/Furan là 14,96 mg/Nm<sup>3</sup> vượt 24,9 lần giá trị giới hạn cho phép tại giấy phép môi trường; các thông số còn lại nằm trong giá trị giới hạn cho phép.

### **2.2. Việc chấp hành pháp luật về đất đai**

#### 2.2.1. Về hồ sơ pháp lý

- Ngày 21/9/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 2405/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu xử lý và tái chế rác thải, chất thải nguy hại trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh với tổng diện tích thực hiện dự án là 87.000 m<sup>2</sup>.

- Ngày 01/10/2012, Tập đoàn công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2128/QĐ-VTNACOMIN về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà máy xử lý và tái chế rác thải công nghiệp nguy hại do Công ty TNHH MTV Môi trường - Vinacomin làm chủ đầu tư, tổng diện tích thực hiện dự án là 87.000 m<sup>2</sup>.

- Ngày 11/02/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh có Văn bản số 822/UBND-QH2 về việc điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu xử lý và tái chế rác thải, chất thải nguy hại trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, trong đó có nội dung giao và phân cấp Ủy ban nhân dân thành phố Cẩm Phả phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng đảm bảo quy định hiện hành.

- Ngày 31/3/2015, Ủy ban nhân thành phố Cẩm Phả ban hành Quyết định số 974/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu xử lý và tái chế rác thải, chất thải nguy hại trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Ngày 19/6/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 22.121.000.464 cho Công ty TNHH MTV Môi trường - VINACOMIN thực hiện dự án Nhà máy xử lý và tái chế rác thải công nghiệp nguy hại, tổng diện tích 87.003 m<sup>2</sup>, quy mô công trình theo Quyết định số 974/QĐ-UBND ngày 31/3/2015 của Ủy ban nhân thành phố Cẩm Phả.

- Ngày 29/9/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định



số 2865/QĐ-UBND về việc thu hồi 51.694 m<sup>2</sup> đất của Xí nghiệp xây lắp mỏ Cẩm Phả và cho Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV thuê 86.956,8 m<sup>2</sup> đất (gồm: 51.694 m<sup>2</sup> đất thu hồi của Xí nghiệp xây lắp mỏ Cẩm Phả và 35.262,8 m<sup>2</sup> đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng từ năm 2012) để làm Nhà máy xử lý và tái chế chất thải công nghiệp nguy hại tại xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả; thời gian thuê đất là 50 năm đến hết ngày 19/6/2065; hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.

- Ngày 12/4/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh ký Hợp đồng thuê đất số 90/HĐ-TĐ về việc cho Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV thuê 86.956,8 m<sup>2</sup> đất.

- Ngày 28/7/2016 Sở Tài nguyên và Môi trường lập Biên bản bàn giao 86.956,8 m<sup>2</sup> đất tại thực địa cho Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV.

- Ngày 08/11/2016, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV với diện tích đất được cấp là 86.956,8 m<sup>2</sup>.

### 2.2.2. Về hiện trạng sử dụng đất

Trên diện tích 86.956,8 m<sup>2</sup> đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho thuê tại Quyết định số 2865/QĐ-UBND ngày 29/9/2015, Công ty đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng các hạng mục công trình và sử dụng đúng mục đích đất được thuê.

### 2.2.3. Về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính

- Về tiền thuê đất: Ngày 11/3/2016, Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh có Công văn số 1564/TB-CT về việc tạm hoãn miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV đối với diện tích 86.956,8 m<sup>2</sup> tại xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, thời gian tạm miễn từ ngày 16/11/2015 đến 19/6/2065.

Ngày 26/5/2022, Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh ban hành Quyết định số 3891/QĐ-CTQNI về việc miễn tiền thuê đất cho Công ty TNHH MTV Môi trường - TKV đối với diện tích 86.956,8 m<sup>2</sup> tại xã Dương Huy, thành phố Cẩm Phả, thời gian miễn từ ngày 16/11/2015 đến 19/6/2065.

- Về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: Công ty đã nộp đủ 6.782.630 đồng thuế sử dụng đất phi nông nghiệp từ năm 2016 đến hết năm 2023 theo thông báo của Chi cục Thuế khu vực Cẩm Phả - Vân Đồn - Cô Tô.

## 2.3. Việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước

Công ty sử dụng nguồn nước sạch mua từ Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh để phục vụ hoạt động của Nhà máy xử lý và tái chế chất thải công nghiệp nguy hại với khối lượng trung bình 8,5 m<sup>3</sup>/ngày (tính trung bình ngày từ tháng 4/2023 đến hết tháng 5/2024). Kiểm tra hiện trạng không phát hiện công trình khai thác nước dưới đất, nước mặt tại khu vực nhà máy.

## 3. Kết luận

### 3.1. Nội dung đã chấp hành

- Về bảo vệ môi trường: Công ty đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường; đã lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm; thực hiện quan trắc định kỳ, quan trắc chất thải tự động, liên tục đối khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải; sử dụng bộ chứng từ chất thải nguy hại; công khai thông tin và nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định.

- Về đất đai: Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh cho thuê đất, ký hợp đồng cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với diện tích là 86.956,8 m<sup>2</sup> đất và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh bàn giao đất trên thực địa; Công ty được miễn tiền thuê đất từ ngày 16/11/2015 đến ngày 19/6/2065 theo quyết định của Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh. Đến thời điểm kiểm tra, Công ty sử dụng đất đúng mục đích theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Về tài nguyên nước: Công ty không khai thác nguồn nước dưới đất, nước mặt, Công ty sử dụng nguồn nước sạch mua từ Công ty cổ phần nước sạch Quảng Ninh với khối lượng trung bình 8,5 m<sup>3</sup>/ngày.

### **3.2. Nội dung tồn tại**

- Không thực hiện kê khai và sử dụng chứng từ chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Công ty sử dụng bộ chứng từ chất thải nguy hại năm 2022, 2023, ghi thiếu thông tin về phương tiện vận chuyển).

- Khai báo không trung thực theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền (báo cáo hàng năm gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, báo cáo Đoàn thanh tra không có nội dung về tái sử dụng một số thùng phuy thải vào việc chứa dầu tái chế; một số thùng phuy thải không qua súc rửa nhưng vẫn xuất chứng từ là đã xử lý).

- Xả khí thải tại ống khói sau hệ thống xử lý khí thải của lò đốt chất thải với lưu lượng 8.748 m<sup>3</sup>/giờ có thông số Tổng Dioxin/Furan vượt 24,9 lần giá trị giới hạn cho phép tại Giấy phép môi trường số 385/GPMT- BTNMT ngày 28/12/2022 và Giấy phép môi trường (điều chỉnh) số 330/GPMT-BTNMT ngày 11/9/2023; các thông số còn lại nằm trong giá trị giới hạn cho phép.

### **4. Các biện pháp xử lý theo thẩm quyền đã áp dụng**

Ngày 02/7/2024, Trưởng Đoàn thanh tra đã lập biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với Công ty và chuyển hồ sơ đến Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường để xử lý theo thẩm quyền.

Sau khi tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ra Quyết định số 147/QĐ-XPHC ngày 02/8/2024 xử phạt vi phạm hành chính Công ty với số tiền là 316.184.000 đồng, Công ty đã thực hiện nộp phạt số tiền trên.

### **5. Kiến nghị biện pháp xử lý**

### **5.1. Đối với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh**

Chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh giám sát chặt chẽ hoạt động của Công ty TNHH Một thành viên Môi trường - TKV; hướng dẫn Công ty thực hiện các thủ tục theo quy định trong quá trình khắc phục các tồn tại nêu trên.


### **5.2. Đối với Công ty**

- Đầu tư, cải tạo hệ thống xử lý khí thải lò đốt chất thải bảo đảm các thông số khí thải ra môi trường nằm trong giá trị giới hạn cho phép theo giấy phép môi trường; kê khai đầy đủ thông tin vào chứng từ chất thải nguy hại theo đúng nội dung hợp đồng chuyển giao chất thải nguy hại và quy định trong giấy phép môi trường liên quan; báo cáo công tác bảo vệ môi trường đúng theo quy định. Trong quá trình hoạt động, thực hiện đúng các nội dung trong giấy phép môi trường, trường hợp có sự thay đổi so với nội dung của giấy phép môi trường phải đề xuất cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh theo quy định; thực hiện công tác quản lý môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại Trụ sở trong thời hạn 15 ngày liên tục kể từ ngày nhận được Kết luận thanh tra.

Sau khi hoàn thành các nội dung nêu trên, Công ty phải báo cáo kết quả thực hiện về Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh trước ngày 26/01/2025./.

#### **Nơi nhận:**

- Công ty TNHH MTV Môi trường -TKV;
- Thứ trưởng Lê Công Thành (để b/c);
- Chánh Thanh tra Bộ (để b/c);
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Ninh;
- Công thông tin điện tử Bộ (để công khai);
- Lưu: VT, Hs. 

**KT. CHÁNH THANH TRA  
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



**Vũ Văn Long**